

**BẢNG ĐIỂM THI LẦN 1 HỌC KỲ 20201**  
**Lớp CĐT 5 K10 Mã lớp học 30,584 Thực hành**

Môn học: CMH35 Rô bốt công nghiệp

Giáo viên: Trần Trọng Dương

Số đơn vị học trình: 1

Thời gian TH: Từ 21/9 đến 23/10/2020

| STT | Mã SV    | Họ và tên              | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ       | Chữ ký SV     | Ghi chú |
|-----|----------|------------------------|------------|------|-------------|---------------|---------|
| 1   | CD182739 | Chu Hoàng Anh          | 04/07/2000 | 8    |             | <u>hach</u>   |         |
| 2   | CD183161 | Phạm Đức Anh           | 15/09/1998 | 8    |             | <u>Anh</u>    |         |
| 3   | CD183121 | Nguyễn Quốc Đăng       | 12/01/2000 | 8    |             | <u>Đ</u>      |         |
| 4   | CD183067 | Đỗ Thành Đạt           | 12/12/2000 | 8    |             | <u>Đạt</u>    |         |
| 5   | CD182882 | Lê Tuấn Đạt            | 03/11/2000 | 8    |             | <u>Đạt</u>    |         |
| 6   | CD183057 | Nguyễn Viết Đạt        | 06/08/1997 | 8    |             | <u>Đạt</u>    |         |
| 7   | CD181472 | Đỗ Văn Doanh           | 28/02/2000 | 7    |             | <u>Đ</u>      |         |
| 8   | CD183070 | Cao Sỹ Đức             | 02/12/1999 | 7    |             | <u>Đ</u>      |         |
| 9   | CD182708 | Nguyễn Việt Đức        | 05/01/1999 | 7    |             | <u>Đ</u>      |         |
| 10  | CD182935 | Nguyễn Hữu Dũng        | 12/02/2000 | 8    |             | <u>Đ</u>      |         |
| 11  | CD182957 | Nguyễn Ánh Dương       | 20/06/2000 | 7    |             | <u>Dương</u>  |         |
| 12  | CD182879 | Phạm Thành Duy         | 14/06/2000 | 8    |             | <u>Duy</u>    |         |
| 13  | CD182656 | Nguyễn Danh Việt Hoàng | 02/07/2000 | 6    |             | <u>Hoàng</u>  |         |
| 14  | CD183094 | Hoàng Văn Hùng         | 10/08/1999 | 7    |             | <u>H</u>      |         |
| 15  | CD182705 | Đỗ Khắc Khải           | 28/07/2000 | 8    |             | <u>Kh</u>     |         |
| 16  | CD182850 | Hoàng Văn Khanh        | 01/06/2000 | 8    |             | <u>Khanh</u>  |         |
| 17  | CD182920 | Long Văn Khanh         | 15/04/2000 | 8    |             | <u>K</u>      |         |
| 18  | CD182941 | Trương Minh Khoa       | 20/09/2000 | 8    |             | <u>Khoa</u>   |         |
| 19  | CD182699 | Vũ Minh Khương         | 12/04/2000 | 8    |             | <u>Khương</u> |         |
| 20  | CD182904 | Nguyễn Công Linh       | 07/12/2000 | 7    |             | <u>Linh</u>   |         |
| 21  | CD182766 | Nguyễn Văn Linh        | 23/05/2000 | 8    |             | <u>Linh</u>   |         |
| 22  | CD182839 | Đặng Thế Long          | 01/04/2000 | 7    | <u>Long</u> | <u>Long</u>   |         |
| 23  | CD182817 | Tăng Xuân Long         | 29/07/2000 | 9    |             | <u>Long</u>   |         |
| 24  | CD182874 | Vũ Đức Mạnh            | 25/06/2000 | 8    |             | <u>Mạnh</u>   |         |
| 25  | CD183056 | Nguyễn Đức Minh        | 18/08/2000 | 7    |             | <u>Minh</u>   |         |
| 26  | CD183059 | Đỗ Thanh Phong         | 19/02/2000 | 9    |             | <u>Ph</u>     |         |
| 27  | CD183188 | Phan Văn Phú           | 11/04/1995 | 9    |             | <u>Phú</u>    |         |
| 28  | CD182670 | Phan Văn Phước         | 24/01/1999 | 7    |             | <u>Phước</u>  |         |
| 29  | CD182977 | Hoàng Minh Quang       | 18/07/1998 | 8    |             | <u>Quang</u>  |         |
| 30  | CD182997 | Phùng Văn Quang        | 14/12/2000 | 7    |             | <u>Quang</u>  |         |
| 31  | CD182768 | Lý Hồng Tài            | 22/08/1999 | ae   |             | <u>T</u>      | Học Lại |
| 32  | CD182624 | Ngô Quang Thái         | 05/12/2000 | 7    |             | <u>Th</u>     |         |
| 33  | CD182940 | Nghiêm Đình Thắng      | 17/05/2000 | 8    |             |               |         |
| 34  | CD182665 | Nguyễn Trọng Thắng     | 12/04/1998 | 9    |             | <u>Th</u>     |         |
| 35  | CD182988 | Hồ Sỹ Thành            | 31/07/2000 | 8    |             | <u>Thành</u>  |         |

| STT | Mã SV    | Họ và tên      | Ngày sinh  | Điểm | Số tờ | Chữ ký SV | Ghi chú |
|-----|----------|----------------|------------|------|-------|-----------|---------|
| 36  | CD182868 | Giáp Đức Thiện | 25/11/2000 | 7    |       | Thiện     |         |
| 37  | CD182828 | Đoàn Văn Trí   | 13/07/2000 | 7    |       | Trí       |         |
| 38  | CD182902 | Phan Văn Trí   | 04/04/2000 | 7    |       | Trí       |         |
| 39  | CD182718 | Lê Anh Tú      | 09/05/2000 | 7    |       | Tú        |         |
| 40  | CD182664 | Nguyễn Văn Tú  | 13/10/2000 | 8    |       | Tú        |         |
| 41  | CD182841 | Lê Khắc Tuấn   | 01/09/2000 | 8    |       | Tuấn      |         |
| 42  | CD182853 | Phạm Văn Việt  | 09/09/2000 | 7    |       | Việt      |         |

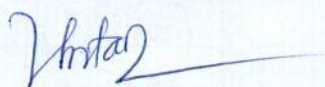
Tổng số SV tham gia thực hành.....41.....

Số sinh viên đạt:.....41.....

Ngày giáo viên nộp điểm:.....17/12/2020..

Hạn cuối nộp điểm:.....

**PHÒNG ĐÀO TẠO**



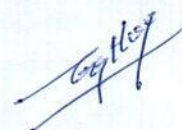
Trần Thị Như Trang

**CÁN BỘ CHẤM THI**



Trần Trọng Dương

**TRƯỞNG KHOA**



**CHỦ NHIỆM KHOA  
PGS. TĂNG HUY**